Phụ lục số 25

Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

*(ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2022

1. Thông tin về quỹ

a) Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH (DCIP)

*tiền thân là* *QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM (VFMVFC)*

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu chính của Quỹ DCIP là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ DCIP đồng thời hướng tới việc đáp ứng nhu cầu của người đầu tư có nhu cầu đầu tư trong khoảng thời gian tới 12 tháng.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): không có

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021 | 28.078.292,71 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ  |  120.426.929,21 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ |  (118.977.451,61) | ccq |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2022 |  29.527.770,31 | ccq |
|  |

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên Năm tài chính 2021 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng thu nhập cố định thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 06/04/2022 . Nội dung chi tiết được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn [DCIP- Điều lệ quỹ AGM năm 2022 (dragoncapital.com.vn)](https://dragoncapital.com.vn/r/dcip-dieu-le-quy-agm-nam-2022/).

 h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên Năm tài chính 2021 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng thu nhập cố định thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 06/04/2022 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022, lựa chọn công ty kiểm toán, ngân sách ban đại diện quỹ, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật… Nội dung chi tiết được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn [DCIP- Nghị quyết Đại hội thường niên năm tài chính 2021 (dragoncapital.com.vn)](https://dragoncapital.com.vn/r/dcip-nghi-quyet-dai-hoi-thuong-nien-nam-tai-chinh-2021/).

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

Chi tiết xin xem tại mục 4. Báo cáo hoạt động của ngân hàng giám sát

1. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ
2. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:
* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) *(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu  | 31/12/2022 | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
| 1 | Cổ phiếu  | - | - | - | - | 35.831.500 | 0,30% |
| 2 | Trái phiếu | 259.856.156.004 | 88% | 105.760.645.206 | 38,98% | - | - |
| 3 | Chứng chỉ tiền gửi | - | - | 94.794.372.478 | 34,94% | - | - |
| 4 | Tiền gửi ngân hàng | 33.810.668.894 | 12% | 69.745.423.286 | 25,71% | 6.007.890.412 | 49,80% |
| 5 | Tiền & Tài sản khác | 135.747.154 | - | 985.499.645 | 0,36% | 6.031.009.993 | 49,90% |
|   | Tổng cộng | 293.802.572.052 | 100% | 271.285.940.615 | 100% | 12.074.731.905 | 100% |

* Phân bổ tài sản theo ngành:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngành | 31/12/2022 | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
| 1 | Ngân Hàng | - | - | 0,07% |
| 2 | Bất Động Sản | 13,50% | 18,76% | - |
| 3 | Bán Lẻ | 6,00% | - | 0,17% |
| 4 | Hàng Hoá Công Nghiệp | - | - | - |
| 5 | Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm | - | - | 0,06% |
| 6 | Vận tải | - | 19,85% | - |
| 7 | Vật Liệu | - | - | - |
| 8 | Ô tô & Phụ Tùng Ô tô | - | - | - |
| 9 | Dịch Vụ Tài Chính & Tài chính tiêu dùng | 20,70% | 34,94% | - |
| 10 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng | 48,30% | 0,38% | - |
| 11 | Tiền & các khoản tương đương tiền | 11,50% | 26,07% | 99,70% |
| 12 | Chứng khoán nợ | - | - | - |
|  | Tổng | 100% | 100% | 100% |
| Chỉ tiêu | 31/12/21 | 31/12/20 | 31/12/19 |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 293.802.572.052 | 271.332.225.925 | 11.810.841.053 |
| Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) |  29.527.770,31  |  28.078.292,71  |  1.220.904,02  |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 9.950,04 | 9.663,41 | 9.673,84 |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10.182,26 | 9.664,14 | 10.487,49 |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 9.663,54 | 9.283,89 | 9.481,85 |
|  |  |  |  |
| Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 2,97% | (0,11%) | (6,26%) |
| *Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)* | (1,95%) | (3,59%) | 28,81% |
| *Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)* | 4,92% | 3,48% | (35,07%) |
| Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) |  Không có |  Không có |  Không có |
| Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) |   |  |  |
|  Không có |  Không có |  Không có |
| Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |   |  |  |
|  Không có |  Không có |  Không có |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,60% | 2,04% | 3,54% |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 207,93% | 125,73% | 67,22% |

* Tổng lợi nhuận của quỹ :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu |  Số liệu  |
| 1 | Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) | (252.546.096) |
| 2 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi) | 35.848.379.872 |
| 3 | Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu | (14.538.312.925) |
| 4 | Tổng chi phí | (7.270.490.900) |
| 5 | Lợi nhuận khác | - |
| 6 | Chi phí khác |  -  |
|   | Tổng lợi nhuận của quỹ | 13.787.029.951 |

* Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; thời điểm phân chia lợi nhuận; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

|  |
| --- |
| Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:  |
| (i)trong thời hạn 12 tháng (1 năm) | 13.787.029.951 |
| (ii)trong thời hạn 36 tháng (3 năm) (\*) | 6.386.884.519 |
| (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm) (\*) | 5.628.855.834 |

*(\*) Quỹ thành lập từ 03/04/2019*

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

* Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;
* Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Thông tin về kết quả hoạt động của quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

1. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được các mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, giá trị tài sản ròng của quỹ DCIP là 9.950,04 đồng/ CCQ, tăng 0,58% so với cuối tháng 11 năm 2022 và 2,97% so với đầu năm. Trong năm 2022, thị trường trái phiếu có nhiều biến động, với những sự kiện liên quan đến trái phiếu như trường hợp của Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát. Những biến động này gây ra xu hướng rút ròng mạnh mẽ của nhà đầu tư và ảnh hưởng đến hoạt động của quỹ. Tuy nhiên, quỹ vẫn đáp ứng thanh khoản cho nhu cầu rút vốn của nhà đầu tư, và mức tăng trưởng 2,97% so với đầu năm vẫn là kết quả khả quan. Bên cạnh đó, với việc kiểm soát danh mục với những doanh nghiệp có tiềm lực cùng chất lượng tài sản tốt, danh mục quỹ có tính thanh khoản cao và không có tài sản liên quan đến các trường hợp của Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát như trên.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu*.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: *Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư như đã được công bố trong Bản cáo bạch*

Trong năm 2022, đặc biệt là quý 4, quỹ DCIP đã thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư, cụ thể là tăng lượng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn ở các ngân hàng nhằm đáp ứng thanh khoản cho nhà đầu tư. Bên cạnh đó, về mặt thẩm định đầu tư, các trái phiếu trong danh mục của Quỹ được lựa chọn dựa trên các tiêu chí chặt chẽ về việc lựa chọn tổ chức phát hành cũng như rà soát hồ sơ trái phiếu. Các tổ chức phát hành đều là doanh nghiệp niêm yết, có năng lực cũng như khả năng quản trị tài chính tốt. Hồ sơ trái phiếu được xem xét kỹ lưỡng và kiểm soát chặt chẽ trước khi đầu tư.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Tại 31/12/2022, tỷ trọng danh mục DCIP cuối tháng 12 gồm 86% là trái phiếu doanh nghiệp, 14% là tiền gửi ngắn hạn và tiền mặt. So với cùng kỳ năng trước, tại thời điểm báo cáo, quỹ luôn duy trì tỷ trọng cao đối với tiền và các khoản tương đương tiền. Bên cạnh đó, quỹ cũng tăng mức phân bổ lớn vào các trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản tốt, đồng thời giảm tương ứng tỷ lệ đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi. Ưu tiên hàng đầu của quỹ là duy trì và đảm bảo tính thanh khoản cao của danh mục đầu tư đồng thời mang lại lợi nhuận tương đối tốt cho dòng tiền ngắn hạn.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Trong giai đoạn 31/12/2021– 31/12/2022, NAV/ccq của DCIP tăng 2,97%, từ 9.663,41đ/CCQ lên 9.950,04đ/CCQ. Năm 2022, tình hình thị trường tài chính nói chung và thị trường trái phiếu nói riêng có nhiều biến động, đặc biệt là những sự kiện liên quan đến trái phiếu trong quý 4 năm 2022. Những biến động này tạo ra xu thế rút ròng của nhà đầu tư. Vì vậy, quỹ phải bán trái phiếu với mức chiết khấu cao nhằm đáp ứng thanh khoản cho việc rút tiền của nhà đầu tư. Điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của quỹ trong năm 2022.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ được phép đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

Tháng 12 đã khép lại năm 2022 với những chỉ số tích cực về kinh tế vĩ mô. GDP tăng trưởng 8% so với cùng kì, vượt xa mức tăng trưởng 2,58% của năm 2021 – giai đoạn phong tỏa bởi Covid. Chỉ số lạm phát CPI chạm mức 4,55% so với cùng kì năm trước; trong đó, lạm phát cơ bản cả năm xoay quanh mức 4,99%. Số liệu này cao hơn mức 1,84% của năm 2021; tuy nhiên, đây là kết quả khả quan so với các nước trong khu vực, điển hình là Indonesia và Thái Lan – 2 quốc gia đều có mức lạm phát cả năm xấp xỉ 5,5%.

Tình hình thị trường nhìn chung đã có nhiều biến động tiêu cực trong năm 2022. Ngay từ tháng 2/2022, sau khi cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine xảy ra, áp lực từ thị trường hàng hóa và tỷ giá chung toàn cầu đã đe dọa trực tiếp đến chỉ tiêu tăng trưởng và lạm phát tại Việt Nam. Các cơ quan quản lý đã phải sử dụng nhiều biện pháp linh hoạt nhằm tiết chế các tác động tiêu cực đến thị trường trong nước. Thêm vào đó, các sự kiện liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã là tâm điểm, gây ra nhiều biến động chưa từng có đối với thị trường trái phiếu nói riêng và thị trường tài chính nói chung. Các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư trái phiếu đã trải qua giai đoạn khủng hoảng lòng tin khi các trái phiếu họ đang nắm giữ trở nên mất thanh khoản và rất khó có thể thu hồi. Sau sự kiện trái phiếu Tân Hoàng Minh, và sự kiện thao túng giá cổ phiếu FLC…, Chính phủ đã thi hành các biện pháp nhằm chấn chỉnh thị trường trái phiếu, tập trung vào việc giải quyết một số vấn đề quan trọng bao gồm giao dịch nội gián, phát hành riêng lẻ và gần đây nhất là bảo vệ các nhà đầu tư. Vào ngày 16/9, Nghị định 65/2022 bổ sung và thay đổi Nghị định 153/2020 về phát hành trái phiếu riêng lẻ đã được gấp rút ban hành. Các quy định mới tập trung vào việc quản lý mục đích phát hành của trái phiếu, trách nhiệm cụ thể đối với tổ chức phát hành và các bên liên quan, đồng thời quy định chặt chẽ, rõ ràng hơn về tiêu chuẩn đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Các quy định này sẽ mang lại lợi ích về dài hạn, giúp bảo vệ nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân. Chiến dịch thúc đẩy tính minh bạch, thể chế hóa và tăng cao tính chuyên nghiệp này có thể giúp mở ra một giai đoạn phát triển kế tiếp cho thị trường. Tuy nhiên, việc áp dụng nghị định 65/2022 trong thời gian ngắn cộng với sự kiện trái phiếu Vạn Thịnh Phát vào đầu tháng 10/2022 đã khiến thị trường thực sự rơi vào khủng hoảng. Giai đoạn từ tháng 10-11/2022 có thể xem là một giai đoạn khác thường, chưa có tiền lệ của thị trường TPDN. Các trái phiếu được bảo đảm bởi cổ phiếu đã chịu áp lực quá lớn, khiến tình trạng vỡ nợ kỹ thuật đã xảy ra trên diện rộng. Tình hình thanh khoản căng thẳng đẩy đến tình huống tháo chạy tín dụng khi nhà đầu tư không còn đủ kiên nhẫn với các trái phiếu mà mình đang nắm giữ. Tình trạng thiếu thanh khoản không chỉ xảy ra với trái phiếu OTC, vốn luôn trong tình trạng không có giao dịch, mà ngay cả các trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức phát hành tốt cũng đã được đẩy bán với mức lãi suất rất cao. Tình hình căng thẳng còn lan rộng đến các trái phiếu đến hạn thanh toán trong quý 4, tổng cộng khoảng 40,7 nghìn tỷ. Trong tháng 11, đã xảy ra tình trạng rút ròng lớn tại các quỹ mở trái phiếu. Trong vòng chỉ hơn 1 tuần từ 8-17/11, tổng quy mô các quỹ mở đã giảm hơn 30%. Nhiều công ty quản lý quỹ phải bán trái phiếu niêm yết để phục vụ thanh khoản. Giá trị tài sản ròng trên một CCQ của nhiều quỹ đã giảm trong biên độ từ 3 đến 22%, là điều chưa có tiền lệ tại các quỹ trái phiếu ở Việt Nam. So với ngày 7/10/2022, quy mô các quỹ mở trái phiếu đã giảm hơn 50%.

Sang tuần đầu tiên của tháng 12, Ngân hàng Nhà nước thông báo mức tăng trưởng tín dụng cả năm cho toàn hệ thống được nới thêm từ 1,5% đến 2%; điều này đồng nghĩa với việc thanh khoản được tăng thêm xấp xỉ 200 nghìn tỷ trong tháng cuối cùng của năm, qua đó đem lại nhiều tác động tích cực cho hệ thống ngân hàng. Thanh khoản thông qua kênh tín dụng ngân hàng bị sụt giảm đáng kể từ đầu quý 3/2022 đã được phần nào được xoa dịu. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng liên tục tăng.

Cùng lúc đó, sự suy yếu của đồng USD và sự dồi dào thanh khoản của những ngân hàng có tiềm lực tốt, còn nhiều dư địa cho tăng trưởng tín dụng, giúp mức lãi suất được điều chỉnh thấp hơn so với mặt bằng tháng 11. Mặt khác, Giá trị đồng VND gần như không đổi trong tháng 12, sau khi phục hồi 0.8% trong tháng 11. Kết năm 2022, đồng VND mất giá khoản 3,5%, trong khi thị trường tiền tệ chứng kiến mức lãi suất tăng từ 3% - 6% cho tất cả mọi kỳ hạn; cũng như lãi suất huy động tăng trong khoảng 3% - 4%.

Đối với Trái phiếu Chính phủ, kế hoạch phát hành sơ cấp qua đấu thầu cho cả năm 2022 là 400 nghìn tỷ đồng. Trong đó, kế hoạch cho Quý 1 là 105 nghìn tỷ đồng, Quý 2 là 120 nghìn tỷ đồng, Quý 3 là 85 nghìn tỷ đồng và cho Quý 4 là 100 nghìn tỷ đồng, tập trung vào các kì hạn 10 năm và 15 năm. Trong tháng 12, 8 đợt đấu thầu đã được tổ chức với tổng khối lượng phát hành là 32,5 nghìn tỉ đồng. Khối lượng phát hành trong tháng 12 thể hiện mức tăng 5% so với tháng 11, và gần 3 lần giá trị phát hành trung bình hàng tháng trong 9 tháng đầu năm 2022. Tính đến cuối năm 2022, tổng khối lượng Trái phiếu Chính phủ đã phát hành là 214 nghìn tỷ đồng, tương ứng 53,6% kế hoạch ban đầu, trong đó khối lượng phát hành của Quý 4 chiếm tỷ trọng 20,8% cả năm.

So với cùng kỳ năm trước, lãi suất TPCP tăng trong biên độ từ 2,7-4,3%, với mức tăng cao hơn cho kỳ hạn ngắn. Đến cuối năm 2022, đường cong lợi suất ở thị trường sơ cấp tiếp tục được duy trì ở trạng thái phẳng cho tất cả các kì hạn, dao động trong khoảng lãi suất hẹp từ 4,5% – 5,2%. Mức chênh lãi suất giữa thị trường sơ cấp và thứ cấp đã giãn rộng trong quý 3 và 4, đạt đỉnh điểm ở mức 1,7% trong Quý 3. Tuy nhiên, mức chênh này đã được xoa dịu khi Kho Bạc Nhà Nước – Bộ Tài Chính nâng mức lãi suất trúng thầu lên tiệm cận với lãi suất thứ cấp. Đến cuối năm 2022, mức chênh lãi suất giữa hai thị trường chỉ còn ở mức 0,4-0,5%.

Về tính thanh khoản, khối lượng giao dịch thỏa thuận bình quân hàng ngày trong năm 2022 giảm 43% so với năm 2021 (3,95 nghìn tỷ/ ngày so với 6,87 nghìn tỷ/ngày). Thanh khoản sụt giảm rõ nhất từ tháng 8/2022. Tuy nhiên, giai đoạn cuối năm, đặc biệt trong tháng 12, thanh khoản có sự cải thiện với mức tăng 85% so với tháng 11, phá vỡ xu hướng sụt giảm thanh khoản. Đây là tín hiệu thể hiện sự cải thiện đáng kể trong mối quan hệ giữa cung – cầu đối với trái phiếu chính phủ. Tổng khối lượng giao dịch thỏa thuận trên thị trường thứ cấp của quý 4 vào khoảng 119 nghìn tỷ đồng giảm khoảng 30% so với tổng khối lượng giao dịch trong quý 3. Khối lượng giao dịch REPOs trong quý 4 cũng giảm đáng kể so với quý 3 khi giảm từ 183 nghìn tỷ đồng xuống mức 28 nghìn tỷ đồng, thể hiện sự hạn chế thanh khoản ngắn hạn trên thị trường tiền tệ. Kỳ hạn từ 10 năm trở lên là kỳ hạn được giao dịch nhiều nhất.

Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp đã dần vượt qua thời điểm khó khăn đỉnh điểm của tháng 11, với những thay đổi tích cực từ định hướng của Chính phủ về việc tái cơ cấu trái phiếu. Chính phủ đã và đang soạn thảo văn bản về hướng dẫn việc áp dụng Nghị định 65 đối với phát hành trái phiếu riêng lẻ (được ban hành vào tháng 9 năm 2022). Các điểm quan trọng đang được thảo luận bao gồm việc gia hạn thời điểm hiệu lực của Nghị định 65 thêm 1 năm đồng thời tạo điều kiện cho trái phiếu được tái cấu trúc theo hướng gia hạn kỳ hạn thêm tối đa 2 năm. Điều này giúp các trái chủ có cơ sở để cân nhắc kĩ lưỡng hơn về các phương án tái cấu trúc trái phiếu, thay vì tập trung vào việc tạo áp lực, có thể đẩy các tổ chức phát hành vào tình trạng vỡ nợ, đặc biệt là vỡ nợ kĩ thuật.

Trong quý 4 đã có tổng cộng 19 đợt phát hành TPDN mới với tổng khối lượng phát hành 3,969 nghìn tỷ đồng. Trong cả năm 2022, đã có 452 đợt phát hành mới, trong đó 19 đợt được thực hiện theo phương thức phát hành ra công chúng, 431 đợt được phát hành riêng lẻ, và 2 đợt được phát hành tên thị trường quốc tế. Tổng khối lượng phát hành là 269,7 nghìn tỷ đồng, tương đương 41,5% khối lượng cả năm 2021. Trong đó, nhóm ngân hàng là nhóm tổ chức phát hành chiếm tỷ trọng lớn nhất với tổng khối lượng 136,7 nghìn tỷ đồng, tương ứng 50,7% tổng khối lượng phát hành. Bất động sản và xây dựng vẫn là ngành có tỷ trọng phát hành lớn thứ 2 với tổng khối lượng 88 nghìn tỷ đồng, tương ứng 32,6%. Nhóm các công ty tài chính xếp thứ 3, với tỷ trọng chiếm 3,7% tổng khối lượng phát hành. Tỷ lệ 13% khối lượng phát hành còn lại được đóng góp bởi các tổ chức phát hành từ nhiều ngành khác nhau. Thêm vào đó, xu hướng mua lại trước hạn, hoặc hoán đổi với mục đích tái cơ cấu cũng được kích hoạt trong thời gian vừa qua, với khối lượng khoảng 100 – 150 tỷ đồng.

Nhìn chung, thị trường tài chính nói chung, thị trường trái phiếu nói riêng đã có nhiều bước thăng trầm trong năm 2022. Mặc dù các cơ quan quản lý nhà nước đang tập trung soạn thảo nhiều giải pháp nhằm giúp giảm bớt áp lực cho thị trường trái phiếu (cho phép gia hạn hoặc tái cấu trúc trái phiếu), tuy nhiên với niềm tin đang bị tổn thương và mặt bằng lãi suất chung ở mức cao, thị trường trái phiếu doanh nghiệp sẽ cần mất thêm thời gian để có thể quay lại giai đoạn “bùng nổ” như những năm 2020-2021. Song song đó, thị trường TPCP cũng sẽ khó lấy lại mức lãi suất thấp trên dưới 1% như đã từng thấy trong năm 2021.



i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ(nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

m) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có).

1. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ đầu tư Trái phiếu gia tăng thu nhập cố định DC (tiền thân là “Quỹ Đầu Tư Định Hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam”) (“DCIP” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

* Theo Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành; tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.’’ Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định chậm nhất vào ngày 26 tháng 01 năm 2023.

* Theo Điểm d, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào các tài sản được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 năm 2023.

* Theo Điểm đ, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định chậm nhất vào ngày 12 tháng 01 năm 2023.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện:

• Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 120.426.929,21 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 1.204.269.292.100 đồng.

• Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 118.977.451,61 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 1.189.774.516.100 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền (nếu có)

Công ty quản lý quỹ phải lập váo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Tỷ lệ so với lợi nhuận | Tỷ lệ so với chi phí hoạt động | Tỷ lệ so với thu nhập |
| Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng  | 1,05% | 2,08% | 0,69% |
| Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ  | 3,29% | 6,48% | 2,15% |

1. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có
2. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu |  Số liệu  |
| 1 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 145.200.000 |
| 2 | Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 453.219.325 |
|   | Tổng cộng | 598.419.325 |

1. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm hoạ.. của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|   | Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tưNguyễn Minh Đăng Khánh |